

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Việt Hồng**

2. Bà **Đoàn Thị Huệ**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Anh **Trần Văn Thế E**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

(Chị Hồng N có đơn xin vắng mặt; anh Thế E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:***

- Vào năm 2005 chị có kết hôn với anh Trần Văn Thê E (Có GĐKKH số 44/2012 cấp ngày 16/4/2012 Tại UBND xã T, huyện A). Trong quá trình chung sống trước đây rất hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Thê E có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh còn công khai đưa về nhà cha mẹ. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến ấu đả. Tuy vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng vì các con nhưng mâu thuẫn trong gia đình ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được, vợ chồng chung nhà nhưng ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy hiện tại vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011. Hiện 02 con chung đang sống với anh Thê E.

Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Thê E. Giao 02 con chung cho anh Thê E nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 01 năm 2022 bị đơn anh Trần Văn Thê E trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N chung sống với nhau khoảng năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột tại Ấp X, xã T, huyện A. Đến khoảng năm 2015 – 2016 vợ chồng đi làm thuê ở tỉnh B (làm công ty gỗ). Đến năm 2019, cha mẹ anh bị bệnh nên vợ chồng thu xếp về quê không làm thuê nữa, vợ anh kêu anh về trước vài ngày nữa vợ anh về sau. Sau đó vợ anh nói anh bỏ vợ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó (cuối năm 2019). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 đứa con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011. Từ khi ly thân đến nay (năm 2019 đến nay) hai con chung sống với anh. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Nhiêu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Do 2 vợ chồng sống chung với cha mẹ không có tài sản chung gì, khi ly hôn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ lại 02 vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Hồng Nhiêu: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Anh Thê E: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Văn Thê E. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011 cho anh Trần Văn Thê E tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do anh Thê E không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thê E và chị Hồng N đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn Thê E có hộ khẩu thường trú ở ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn Thê E vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Hồng N và anh Thê E là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44, quyển số 01/2012 ngày 16 tháng 4 năm 2012. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Hồng N nguyên nhân là do anh Thê E có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh còn công khai đưa về nhà cha mẹ. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến ấu đã. Tuy vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng vì các con nhưng mâu thuẫn trong gia đình ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được, vợ chồng chung nhà nhưng ly thân từ năm 2016 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Thê E vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 01 năm 2022 anh Thê E cho rằng sau khi đi làm thuê ở tỉnh B (làm công ty gỗ). Đến năm 2019,

cha mẹ anh bị bệnh nên vợ chồng thu xếp về quê không làm thuê nữa, vợ anh kêu anh về trước vài ngày nữa vợ anh về sau. Sau đó vợ anh nói anh bỏ vợ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó (cuối năm 2019). Và đã ly thân từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chị Hồng N và anh Thử E trình bày nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân không thống nhất nhưng đều thấy rằng anh, chị đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 01 năm 2022, anh Thử E có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng anh lại không nêu ra được giải pháp hay phương hướng để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại hôn nhân. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh Thử E vẫn không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải để nêu ra ý kiến cũng như nguyện vọng muốn đoàn tụ của mình. Phía chị Hồng N thì vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Hồng N và anh Thử E đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng đã không còn tiếng nói chung. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hồng N và anh Thử E xác định trong thời kỳ hôn nhân anh và chị có 02 con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011, hiện nay do anh Thử E đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Hồng N đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho anh Thử E nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai anh Thử E ngày 13/01/2022, anh Thử E cũng có ý kiến trường hợp Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Hồng N và anh Thử E ly thân cho đến nay là do anh Thử E nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời theo Đơn xin trình bày nguyện vọng của 02 con chung cũng thể hiện nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng được ở với cha. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của 02 con chung nên cần tiếp tục giao 02 con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011 cho anh Thử E tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thử E không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thẻ E và chị Hồng N đều xác định không có nên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Văn Thẻ E.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Kim Đ, sinh ngày 20/8/2006; Trần Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 29/9/2011 cho anh Trần Văn Thẻ E tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Hồng N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005108 ngày 16/11/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị Hồng N đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Trần Văn Thẻ E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đặt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

